



Ảnh Hòa Tân

## Nhận diện và dự báo lạm phát cơ bản “kiểu Việt Nam”

TS. NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG

*Cực khó ở chỗ là phải nhận diện cho được cái gọi là “lạm phát cơ bản kiểu VN”. Rắc rối ở chỗ giá cả của VN vẫn còn bị bóp méo và biến dạng đáng kể do có sự không chế thị trường của các DNNN độc quyền, của bốn đại gia NHTMQĐ và sự can thiệp của Chính phủ. Như vậy, phải chăng sắp tới NHNN, Bộ tài chính vẫn phải tiếp tục tự mò mẫm một chỉ số lạm phát riêng theo cách của từng bộ ngành để điều hành một cách hợp lý chính sách tài chính tiền tệ?*

### Tại sao phải đo lường lạm phát cơ bản?

Lạm phát toàn bộ hay lạm phát danh nghĩa là lạm phát được đo lường bằng toàn bộ chỉ số giá tiêu dùng CPI. Đây là dạng lạm phát thường được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng hàng ngày.

Tuy nhiên chỉ số lạm phát CPI thường được xem là dễ bị tổn thương đối với những yếu tố vượt ra khỏi tầm

kiểm soát của chính sách kinh tế, và kết quả thường là không ổn định do những cú sốc đột biến hay những biến động trong một lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế. Ở các nền kinh tế đang phát triển như nước ta hiện nay, sự thay đổi trong tỷ lệ lạm phát nhạy cảm rất mạnh mẽ đối với các biến động trong cung cấp nông sản hay sự lên xuống của giá dầu thế giới. Vì thế, tỷ lệ lạm phát tính theo CPI thường đạt đến mức gấp đôi, cho dù hầu hết giá cả của các yếu tố CPI chỉ thể hiện một gia tăng vừa phải. Trong những trường hợp như vậy, CPI có thể không còn là một chỉ số đáng tin cậy xu hướng chung giá cả trong dài hạn.

Eckstein (1981), một trong những người đầu tiên sử dụng thuật ngữ lạm phát cơ bản (core inflation) để khắc phục những nhược điểm của lạm phát tính theo CPI. Theo đó, lạm phát cơ bản hay lạm phát thực (underlying inflation) là một dạng của chỉ số biểu hiện sức mua thực sự của đồng tiền. Sở dĩ như thế là do chúng đã loại trừ những biến động giá cả do những nguyên nhân không xuất phát từ nội tại của nền kinh tế. Chẳng hạn, những biến động khách quan và thường xuyên xảy ra

trong một thế giới đầy bất ổn định như hiện nay trong giá dầu đã tác động rất lớn đến bất kỳ kỳ CPI của quốc gia nào, hoặc những biến động thất thường như thảm họa dịch gia cầm các nước trong khu vực trong thời gian qua.

Nếu tính đầy đủ các biến động này vào CPI, Chính phủ sẽ không thể nào phát hiện ra được đâu là những nguyên nhân thực dẫn đến những sai lầm trong việc hoạch định các chính sách vĩ mô. Chính vì thế, việc loại trừ những biến động khách quan ra khỏi CPI là một trong những ý tưởng để tiếp cận với một thuật ngữ mới là lạm phát cơ bản. Từ trước tới nay hầu như các cơ quan hoạch định chính sách kinh tế, đặc biệt là Tổng cục thống kê, NHNN và Bộ tài chính đều không quan tâm, hay chưa chú ý đúng mức đến việc tính toán lạm phát cơ bản. Chỉ cho đến khi tốc độ lạm phát tăng lên vượt mức do Quốc hội khống chế và đạt gần mức hai chữ số, thì mọi người mới nghe nói đến sự cần thiết phải tính toán lạm phát cơ bản trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách tài chính tiền tệ. Khi đã loại trừ các yếu tố khách quan ra, còn lại lạm phát chính là một

"hiện tượng tiền tệ" trong dài hạn và phần ảnh hưởng qua lạm phát cơ bản.

Nếu tính toán lạm phát một cách hợp lý, chúng ta có thể xác định được xu hướng tiềm ẩn trong các diễn biến của giá cả. Như vậy, lạm phát cơ bản được hiểu là lạm phát đã được điều chỉnh một cách đều đặn theo các yếu tố sức ép bên cầu và những kỳ vọng vào tương lai có loại bỏ những biến động lớn gây sốc bên cung chẳng hạn như các biến động thời vụ hoặc các cú sốc đột biến. Có thể mô phỏng khái quát lạm phát cơ bản như sau:

$\pi_t = \pi_p + \pi_{n,p}$ : Trong đó,

$\pi_t$  là lạm phát danh nghĩa tính theo CPI.

$\pi_p$  là lạm phát tính bằng một nhân tố mang tính ổn định (permanent component).

$\pi_{n,p}$  là lạm phát tính bằng một nhân tố không ổn định (nonpermanent component).

### Khuôn khổ lý thuyết đo lường lạm phát cơ bản

Để đo lường lạm phát cơ bản, có nhiều phương pháp từ đơn giản đến một số mô hình kinh tế lượng phức tạp. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đưa ra hai phương pháp đo lường lạm phát cơ bản được sử dụng phổ biến nhất hiện nay. Đó là phương pháp điều chỉnh trung bình và phương pháp loại trừ.

**Phương pháp điều chỉnh trung bình:** Một phương pháp đo lường lạm phát cơ bản có hiệu quả phải là phương pháp đưa ra càng nhiều thông tin càng tốt từ dữ liệu CPI mỗi tháng và chúng phải chứa đựng các ảnh hưởng của từng thành phần đến sự biến động của toàn bộ giá cả cho nhiều năm và do đó sẽ có ích cho những dự báo về lạm phát trong ngắn hạn và trung hạn. Chính vì thế phương pháp này đã được Bryan và Cecchetti đề xuất vào năm 1994 nhằm đo lường lạm phát cơ bản và được hầu hết các nhà hoạch định chính sách thừa nhận một cách tích cực.

Các bước tính (được thực hiện hàng tháng):

**Bước 1:** Tính % thay đổi về giá hàng tháng của các nhân tố trong rổ hàng hóa, chúng ta đặt % thay đổi là  $\pi$ .

**Bước 2:** Sắp xếp % thay đổi này từ thấp đến cao và ứng với từng quyền

số trọng lượng của nhân tố đó.

**Bước 3:** Cộng dồn quyền số cho mỗi giá trị  $\pi$ .

**Bước 4:** Loại bỏ sự thay đổi giá cả của nhân tố có quyền số tích lũy nhỏ hơn 8% và lớn hơn 92%.

**Bước 5:** Đối với nhân tố có % thay đổi giá thấp nhất và có quyền số tích lũy lớn hơn hoặc bằng 8% thì lúc này sẽ thay quyền số trong rổ hàng hóa của nhân tố này bằng quyền số tích lũy.

**Bước 6:** Đối với nhân tố có % thay đổi giá lớn nhất và có quyền số tích lũy nhỏ hơn hoặc bằng 92% thì lúc này sẽ thay quyền số trong rổ hàng hóa của nhân tố này bằng quyền số ban đầu cộng với quyền số của các nhân tố đã bị loại bỏ.

**Bước 7:** Tính lạm phát hàng tháng giữa tháng này so với tháng trước.

**Bước 8:** Với mục đích là tính toán tỷ lệ lạm phát hàng quý và 12 tháng tạo nên hàng loạt chỉ số điều chỉnh trung bình bằng cách thiết lập giá trị chỉ số ban đầu tới 100 vào tháng 1 hàng năm và sau đó tính đi tính lại giá trị chỉ số của mỗi tháng tiếp theo bằng việc sử dụng giá trị của chỉ số tháng trước và tỷ lệ lạm phát điều chỉnh trung bình trong tháng.

Phương pháp này có ưu điểm là không cần số liệu trong thời gian dài và tương đối dễ tính toán nhưng chúng lại tồn tại nhiều nhược điểm rất cơ bản. Đó là, chúng ta đã cho rằng nếu những thay đổi trong giá cả diễn ra là do kết quả của các chính sách chính phủ cần được loại trừ, thì phương pháp này trong một vài trường hợp lại tính bao hàm cả các nhân tố này trong khi lại loại trừ (hay loại trừ một phần) các tác động quan trọng của thị trường. Ngoài ra, khi một nhân tố đôi khi bị loại trừ trong một vài thời kỳ sẽ gây ra khó khăn trong việc phân tích nguồn gốc của biến động giá qua thời gian.

**Phương pháp loại trừ:** Phương pháp loại trừ sử dụng CPI và loại trừ hẳn một số nhân tố cố định. Các nhân tố này thường phụ thuộc vào những ảnh hưởng trong ngắn hạn khiến giá cả thường không ổn định do mang tính thời vụ và giới hạn về nguồn cung. Chẳng hạn như điều kiện thời tiết xấu làm nông sản bị mất mùa; thảm họa do dịch cúm gia cầm; giá dầu tăng cao; bạo động và bất ổn chính trị ở các nước khai

thác dầu; do các biện pháp can thiệp của chính phủ.

Phương pháp loại trừ có ưu điểm là khắc phục được nhược điểm của phương pháp điều chỉnh trung bình. Nhưng quan trọng nhất là lạm phát cơ bản tính theo phương pháp này rất thích hợp với những khái niệm cơ bản về lạm phát mà chúng ta đã thảo luận ở phần trên. Phương pháp này nếu được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng rất dễ hiểu và dễ nhận được sự đồng tình của đông đảo mọi người.

Tuy nhiên cũng phải lưu ý, khi loại trừ hoàn toàn các nhân tố nào thì thông tin về nhân tố đó sẽ bị triệt tiêu và như vậy vô hình chung làm cho những thông tin phản hồi từ các tín hiệu thị trường phản ánh trên giá của nhân tố đó cũng bị loại trừ.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không có ý định đi sâu vào các kỹ thuật tính toán khi tính lạm phát cơ bản theo phương pháp loại trừ. Mục đích chính trong phần tiếp theo, chúng tôi chỉ giới hạn các phân tích của mình trong việc đề xuất về mặt phương pháp trong việc xác định và dự báo lạm phát cơ bản phù hợp với những đặc thù riêng có của nền kinh tế VN.

### Các yếu tố loại trừ ra khỏi CPI

#### Diễn biến chung của nền kinh tế:

Trái với quy luật của 3 năm trở lại đây khi giá tiêu dùng liên tục giảm trong thời gian sau quý I, năm nay, chỉ số này vẫn liên tục tăng do nhiều ngành công nghiệp trong nước đang phụ thuộc hoàn toàn vào diễn biến giá cả thế giới. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là phải nhập 100% xăng dầu, 90% phân urê, 75% phôi thép, gần 100% nguyên liệu nhựa, 90% nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh. Đồng thời, nhóm hàng lương thực, thực phẩm, chiếm tỷ trọng 47,9%, cũng là nguyên nhân quan trọng làm tăng chỉ số giá.

Nếu phân tích chi tiết hơn, trong 7,2% lạm phát sau 6 tháng đầu năm 2004, thì riêng nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 47,9%, tương đương với  $(7,2 \times 47,9)/100 = 3,45\%$ , nghĩa là tất cả các nhóm hàng còn lại chỉ gây nên mức lạm phát có 3,75%.

Hơn nữa, theo quy luật, những tháng cuối năm mức cầu thường tăng. Cụ thể:

Thay đổi (%) so với  
tháng 12 năm trước

| Quý/<br>Năm | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV |
|-------------|-------|--------|---------|--------|
| 2000        | 0,8%  | -1,8%  | -0,7%   | 1,1%   |
| 2001        | 0,0%  | -0,7%  | 0,3%    | 1%     |
| 2002        | 2,5%  | 0,4%   | 0,2%    | 0,9%   |
| 2003        | 2,5%  | -0,4%  | -0,3%   | 1,2%   |
| 2004        | 4,9%  | 7,2%   | n/a     | n/a    |

Nguồn: Cục quản lý giá

Như vậy, theo quy luật vận động giá cả thị trường 4 năm gần đây, giá thường tăng chủ yếu vào quý I và quý IV, tăng ít hoặc giảm vào quý II và III. Nhưng năm nay, quy luật này hoàn toàn bị đảo ngược, từ đầu năm đến nay, chỉ số giá tiêu dùng liên tục tăng, ngay cả vào những tháng đáng ra giảm.

**Sử dụng phương pháp loại trừ yếu tố biến động:** Cách tính này được sử dụng trên cơ sở loại bỏ những biến động nhất định về giá cả của một số hàng hóa bởi những yếu tố này làm sai lệch trong việc đo lường xu hướng lạm phát của một nước. Tất cả những loại giá đó chỉ gây ra sự thay đổi tạm thời mặt bằng giá nói chung và sẽ biến mất ngay sau đó. Ví dụ: chỉ số giá tiêu dùng 4 tháng đầu năm tăng 5,4% thì trong đó giá lương thực thực phẩm tăng đã chiếm mất 3%. Như vậy, nếu chỉ dựa vào chỉ số này với sự thay đổi lớn về giá lương thực thực phẩm mà kết luận lạm phát của toàn bộ nền kinh tế là không hợp lý.

Để áp dụng phương pháp loại trừ, chúng ta sẽ phải đánh giá lại biến động giá của tất cả 36 nhóm mặt hàng theo từng tháng tối thiểu từ năm 2000 cho đến nay, đồng nghĩa với việc phân tích chi tiết số liệu của nhiều năm. Việc tách bạch từng loại nhóm hàng và xây dựng biểu đồ theo từng tháng sẽ cho ta thấy được những nhóm hàng nào có sự biến động lớn nhất để loại ra. Sau đó, tiến hành đánh giá các yếu tố loại trừ ra khỏi CPI.

Các nhân tố loại trừ khỏi CPI phải là nhóm yếu tố ngoại sinh, do tác động của những biến động khách quan không những tác động đến mặt bằng giá cả trong nước mà còn ở các nước trong khu vực, hoặc là những yếu tố mang tính ngắn hạn do thời vụ gây ra.

**Các yếu tố ngoại sinh:** Tác động

làm CPI tăng đột biến trong thời gian vừa qua là do dịch cúm gia cầm xảy ra trên diện rộng cùng thời gian những tháng Tết Nguyên Đán đã có tác động làm tăng CPI chung của tháng 1 và 2 năm 2004 lên cao nhất (4,1%) trong các tháng đầu năm. Dịch cúm gia cầm đã làm thiếu hụt khoảng 20 – 25% nguồn cung ứng thực phẩm trong nhiều tháng liền, trong khi nhu cầu thực phẩm dịp tết tăng cao dẫn đến giá các loại thực phẩm khác tăng rất nhiều lần. Hạn hán và rét đậm ở nhiều nơi vào cuối năm 2003 và đầu năm 2004 đã làm giảm nguồn cung lương thực, thực phẩm; nhu cầu lương thực của thế giới tăng cũng làm tăng giá lúa gạo trong nước. Nhóm hàng lương thực thực phẩm có mức tăng giá cao nhất và có quyền số lớn nhất 47,9% trong rổ hàng hóa tính CPI đã chi phối lớn đến sự gia tăng của chỉ số giá chung.

Trên thị trường thế giới, giá dầu mỏ và một số nguyên liệu như thép, nhựa, phân bón tăng cao, làm cho giá cả nhập khẩu tăng ảnh hưởng đến giá cả trong nước. Giá dầu mỏ thế giới tăng buộc Nhà nước phải nhiều lần điều chỉnh giá xăng dầu phù hợp với mặt bằng giá quốc tế và khu vực.

Như vậy các yếu tố loại trừ trong điều kiện VN có thể là:

**1. Lương thực, thực phẩm:** Theo công bố mới đây của Tổng cục thống kê và theo số liệu của IMF, nguyên nhân của việc chỉ số giá tăng cao tiếp tục bắt nguồn từ lương thực, thực phẩm. Chiếm tỷ trọng đến 47,9% trong số hàng hóa để tính CPI, lương thực, thực phẩm là nhóm gây nhiều tác động đến cách tính toán CPI hiện nay. Năm 1998, chỉ số giá tiêu dùng VN liên tục giảm xuống mức âm trong 8 tháng liền với mức bình quân là -0,55%/tháng chủ yếu do chỉ số giá lương thực, thực phẩm giảm mạnh lần lượt ở các mức bình quân -1,85%/tháng và -0,58%/ tháng trong khi chỉ số giá bình quân của 9 nhóm hàng hóa dịch vụ trong thời kỳ này hầu như không đổi, thậm chí còn tăng nhẹ. Gần đây, nhất là giai đoạn 7 tháng đầu năm 2004, so với cuối năm 2003, CPI tăng 7,7%, trung bình mỗi tháng tăng 1,1%, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm tăng tới 13,7% (trong đó giá lương thực tăng 11,2% và giá thực phẩm tăng 15,4%). Trong khi chỉ số giá bình quân của 9 nhóm hàng còn lại trong cùng kỳ hầu như chỉ tăng

nhẹ ở mức 1 chữ số, không cao quá mức 5%.

**2. Vật liệu xây dựng (sắt thép) và nhóm hàng được phẩm:** Trong một năm trở lại đây, hai nhóm hàng này có tính biến động khá cao do ảnh hưởng của giá cả thế giới. Tuy nhiên, để có thể tính thật chính xác thì cần phải dựa trên số liệu quan sát trong nhiều năm liền mới có thể kết luận giá cả các mặt hàng này là thuộc các biến nội sinh hay ngoại sinh.

## Những vấn đề về mặt chính sách trong việc dự báo lạm phát cơ bản

Nếu loại trừ các yếu tố trên ra khỏi CPI, có thể lạm phát cơ bản không đạt tới mức gần 9% như trong 10 tháng qua. Theo IMF, lạm phát đã không tăng thêm nhiều trong giai đoạn giữa tháng 9 và tháng 10. Điều này cho thấy những phản ứng về mặt chính sách của Chính phủ đã tỏ ra có hiệu quả. Những phản ứng chính sách trong thời gian qua là:

- Kiểm soát giá, Chính phủ đã giảm thuế nhập khẩu thép và bỏ giá trần. Giải pháp này đã được Bộ tài chính thực hiện vào đầu năm 2004 như là một phản ứng đầu tiên.

- Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc vào ngày 1.7.2004. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng đồng nội tệ và ngoại tệ đã tăng từ mức 2% và 6% lên mức 5% và 8%.

- Thủ tướng ban hành chỉ thị 30/2004/CT-TTg về những biện pháp kiểm soát lạm phát trên thị trường trong tương lai gần và giới hạn chỉ tiêu ngân sách.

Mặc dù vậy, vẫn còn những bất ổn tiềm ẩn trong việc quản lý và kiểm soát lạm phát cơ bản trong tương lai. Đó là,

- **Kiểm soát tổng phương tiện thanh toán:** Thông thường thì mức gia tăng tổng phương tiện thanh toán có ảnh hưởng trực tiếp đến CPI và lạm phát, tính cả độ trễ về thời gian. Nhưng qua xem xét số liệu về tổng phương tiện thanh toán và chỉ số chung trong 10 năm qua ở VN cho thấy mối liên hệ này không rõ ràng, đôi khi còn ngược chiều. Có khi tổng phương tiện thanh toán tăng cao nhưng CPI lại tăng thấp. Hoặc như năm 1998, tổng phương tiện thanh toán có mức tăng thấp nhất so với các năm (20,33%) thì CPI lại tăng cao (9,2%). Số liệu tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán, tiền gửi, dư nợ tín dụng đến cuối tháng 6 năm 2004 so

với tháng 10 năm 2003 đều thấp hơn tốc độ tăng cùng kỳ năm 2003. Nhưng CPI lại tăng 7,2%, cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2003 là 2,1%. Những nghịch lý trên cho thấy những điều đáng để suy diễn.

Nhiều quan điểm cho rằng trong thời gian qua chúng ta đã không kiểm soát được tổng phương tiện thanh toán của nền kinh tế. Có khả năng lỗ rò rỉ xuất hiện từ việc tổng cung ứng tiền tệ ngoài hệ thống kiểm soát của ngân hàng. Đó là việc huy động tiết kiệm và cho vay từ các hệ thống bảo hiểm, các công ty tài chính có chức năng huy động vốn như Công ty tiết kiệm dịch vụ bưu điện. Hoặc từ các quỹ hỗ trợ phát triển thuộc hệ thống quản lý của Bộ tài chính.

• **Vấn đề cải cách DNNN:**

Không ai có thể tính hết những tác động nặng nề của những lãng phí và không hiệu quả mà khu vực này gây ra cho nền kinh tế. Chỉ tính riêng trong lĩnh vực ngân hàng và cải cách DNNN, thì chi phí tái cấp vốn tương đương một khoản nợ lên đến 7% GDP. Chắc chắn những khoản chi phí này không thể nào không góp phần vào tốc độ lạm phát trong thời gian qua.

• **Chính sách tài khoá:** Việc kiểm soát mức thâm hụt trong thời gian quan luôn trong mục tiêu cho phép là 5%/GDP là một thành tựu đáng kể. Tuy nhiên vấn đề lại nằm ở chỗ tổng các khoản chi tiêu cho các khu vực của nền kinh tế. Chắc chắn hiện tượng chi tiêu lãng phí mà theo đánh giá chỉ riêng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản không thôi đã có thể lên tới 30% hoặc thậm chí còn hơn nữa đã góp phần vào tốc độ lạm phát tăng lên đến mức chóng mặt như trong thời gian qua. Nên nhớ rằng chi tiêu lãng phí qua kênh ngân sách là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến lạm phát phi mã ở các nền kinh tế đang phát triển mà trường hợp của Argentina vào năm 2001 có thể là một trong những điển hình khủng hoảng mới nhất về chi tiêu lãng phí trong chính sách tài khoá.

• **Yếu tố tâm lý:** Đây cũng là nguyên nhân chủ quan có tác động lớn đến tăng giá. Chẳng hạn như vấn đề cải cách tiền lương, với mức mỗi tháng phải chi thêm 4.700 tỷ đồng, có khả năng dự đoán giá cả sẽ bị tác động không nhỏ.

Ngoài ra, trong năm vừa qua NHNN cũng đã đưa vào lưu thông tiền mới. Việc đưa vào lưu thông loại tiền mới theo giải thích của NHNN chẳng qua chỉ là một động tác nghiệp vụ bình thường, nhưng lại tiến hành ngay vào thời điểm cuối năm khi sức mua tăng cao cũng là một điều khó hiểu. Đây cũng có thể được xem như là một trong những nguyên nhân mang yếu tố tâm lý tác động đến tăng giá tiêu dùng trong những tháng đầu năm.

Việc thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin theo hướng chỉ đưa ra một chiều của các quan chức, và có vẻ như chỉ chạy theo đuôi với sự giải thích của các cơ quan quản lý giá đã không thuyết phục được không nhỏ đại bộ phận người dân, đã tác động tiêu cực không ít đến tăng giá do yếu tố tâm lý trong thời gian qua.

• **Tỷ giá:** Tỷ giá là yếu tố nội sinh hay ngoại sinh? Đây là vấn đề còn gây nhiều tranh cãi. Nếu là yếu tố nội sinh, thì không loại trừ ra khỏi CPI. Nhưng nếu là yếu tố ngoại sinh thì phải loại trừ. Những tranh luận giữa IMF và NHNN cho đến nay về yếu tố này vẫn chưa rõ ràng. Để kết luận thoả đáng về vấn đề này, chúng tôi xin dành cho một bài viết khác.

• **Nhân tố giá cả bị bóp méo:**

Đáng lý ra những nhân tố này không phải loại trừ ra khỏi CPI, vì chúng phản ánh những xu hướng diễn biến giá cả chung của nền kinh tế và cũng thuộc nhóm nhân tố khách quan. Nhưng do hiện nay VN vẫn còn kiểm soát giá rất chặt chẽ đối với một số hàng hoá như bưu chính viễn thông, điện, vận chuyển hàng không và đường bộ. Nếu không loại trừ ra khỏi rổ hàng hoá để tính lạm phát cơ bản thì có thể đổ thừa oan những hậu quả của lạm phát lên chính sách tài chính tiền tệ. Có rất nhiều quan ngại về việc Bộ tài chính, cơ quan quản lý giá, có thể không kiểm soát được tốc độ tăng giá của một số mặt hàng thuộc các lĩnh vực độc quyền.

1. **Giá bưu chính viễn thông:** Theo khảo sát của Viện nghiên cứu kinh tế và quản lý kinh tế trung ương, thì giá bưu chính viễn thông của VN thuộc hàng cao thứ ba thế giới.

2. **Giá vận chuyển:** Trong năm qua Chính phủ đã tăng cước phí vận chuyển hàng không lên 8%, phí vận chuyển

đường sắt tăng 10%. Kết quả là giá hàng không và đường sắt của VN cao thuộc hàng có cỡ ở các nước trong khu vực.

3. **Những khả năng tăng giá tiềm ẩn trong tương lai theo kiểu lập luận "cho bằng với các nước trong khu vực"** của các DNNN độc quyền. Thực tế cho thấy, mặc dù đã có phản ứng mạnh mẽ từ phía người tiêu dùng và Chính phủ cũng không đồng ý cho Công ty điện lực VN (EVN) tăng giá điện trong năm nay nhưng họ vẫn cương quyết thuyết phục Chính phủ cho phép EVN tăng giá điện 7 cent/Kwh trong năm 2005 với những lý lẽ rất thiếu sức thuyết phục là EVN cần phải huy động khoảng 15% nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển ngành điện.

4. **Lãi suất:** Lãi suất là chi phí đầu vào của tất cả các doanh nghiệp và tác động rất lớn đến mặt bằng tăng giá của nền kinh tế. Tuy nhiên, theo chúng tôi lãi suất mặc dù đã được tự do hoá, nhưng chỉ trên danh nghĩa và trên thực tế vẫn còn bị "bóp méo" nghiêm trọng. Chúng ta không thể nói đến một mức lãi suất thị trường phản ánh các quan hệ cung cầu, khi mà hiện nay chúng chủ yếu bị khống chế bởi bốn đại gia NHTMQD, chiếm tới 70% thị phần cho vay trong nước và từ 70% đến 80% tài sản của các ngân hàng.

**Kết luận**

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể rút ra một số những kết luận sau đây:

1. Những bất ổn tiềm ẩn trong tương lai vẫn hiện hữu nếu như những yếu tố giá cả bị bóp méo vẫn còn tồn tại. Cải cách triệt để và toàn diện các DNNN, đặc biệt là các DNNN độc quyền phải luôn luôn được ưu tiên trong các cải cách thể chế trong những năm sắp đến.

2. Nếu loại trừ hết các yếu tố ngoại sinh và giá cả bị bóp méo thì rổ hàng hoá hiện nay chỉ còn lại có phần nửa, thậm chí còn thấp hơn. Như thế, lạm phát cơ bản khó thể hiện xu hướng biến động chung của nền kinh tế. Do đó, một trong những giải pháp cho vấn đề này là cần thiết phải phân biệt hơn nữa giữa CPI nông thôn và CPI thành thị.

(Xem tiếp trang 30)

phân giải thấp dưới 3 triệu điểm ảnh. Chỉ tính riêng thị trường Nhật Bản, trong 48.240.000 máy điện thoại di động tiêu thụ từ tháng 4.2003 đến tháng 3.2004, đã có 85% là camera phone. Để "bồi thêm một chương" cho máy ảnh kỹ thuật số, mỗi hãng CEIVA có trụ sở tại California, Hoa Kỳ còn chế ra loại máy nhận ảnh thẳng từ điện thoại di động, người có camera phone chỉ cần chụp ảnh, rồi gắn vào bất kể đường dây điện thoại hữu tuyến nào và gửi ảnh về máy nhận tín hiệu để in ra, nơi nhận tín hiệu sẽ gửi ảnh về nhà cho họ, người có máy camera phone không cần máy vi tính, thẻ nhớ gì cả.

Thừa thắng xông lên, các đại gia điện thoại di động gia tăng công suất để chiếm lĩnh thị trường này, theo báo cáo mới đây của Gartner, số lượng điện thoại di động được bán ra sẽ đạt 159 triệu chiếc trên toàn cầu và dự kiến vào năm 2008, trung bình 70% số lượng điện thoại di động bán ra sẽ có chức năng chụp ảnh kỹ thuật số. Riêng thị trường Nhật Bản và châu Á - Thái Bình Dương thì tỷ lệ này có thể là 95%.

### Đại gia mặt thị có chúng tôi ?

Mặc dù có những cất giảm về kế hoạch sản xuất và bán hàng nhưng hầu hết các đại gia vẫn lãi rất lớn, nhưng mức lãi của họ không cao như dự kiến. Tuy nhiên, công ty dựa chủ yếu vào sản xuất như Sanyo đã có dấu hiệu mệt mỏi khi họ loay báo lãi ròng trong 9 tháng đầu năm 2004 đã giảm mạnh do phải chịu đựng tình hình khó khăn vì giá bán máy chụp ảnh kỹ thuật số liên tục giảm trong khi giá nguyên liệu đầu vào lại đội lên. Phần lớn trong 17 hãng sản xuất máy ảnh kỹ thuật của Nhật Bản số đã chuyển một số nhà máy của mình sang Trung Quốc và Ấn Độ như là một chọn lựa khôn ngoan để sống sót. Trung Quốc với 350 triệu hộ gia đình mà chỉ có 20% số hộ có máy chụp ảnh kỹ thuật số và Ấn Độ với 180 triệu hộ gia đình mà chỉ có 11% có máy ảnh kỹ thuật số đang là những thị trường bao la cho các nhà sản xuất máy ảnh kỹ thuật số Nhật Bản. Các nước này đang trải thảm đỏ kính mời các đại gia đầu tư vào nước mình.

Thị trường Việt Nam với số dân trên 80 triệu người (khoảng 20 triệu hộ gia đình), theo một nghiên cứu mới đây của một hãng máy ảnh nước ngoài nổi tiếng thì chỉ có 13% hộ gia đình có máy ảnh kỹ thuật số tại TP. Hồ Chí Minh và khoảng 10% số hộ tại các thành phố khác có máy ảnh kỹ thuật số, phần lớn số hộ ở các tỉnh chưa có máy chụp ảnh, kể cả máy chụp ảnh dùng phim. Hơn nữa, thị trường điện thoại di động Việt Nam mới chỉ có trên 4 triệu máy điện thoại di động được thuê bao. Một tiềm năng thị trường lớn của "con rồng đang thức giấc" đang hấp dẫn các nhà sản xuất nước ngoài. Lâu nay, ở phía Bắc mới chỉ có Canon đầu tư vào khu công nghiệp Nội Bài, Hà Nội để sản xuất sản phẩm liên quan đến ngành ảnh xuất khẩu, nhưng chủ yếu là máy in, ở phía Nam các liên doanh hiện có chủ yếu lắp ráp máy quay phim kỹ thuật số chứ chưa sản xuất máy chụp ảnh kỹ thuật số. Chưa có nhà sản xuất máy điện thoại di động nào mà tất cả máy điện thoại chỉ là nhập khẩu, mãi gần đây chính quyền Đà Nẵng mới cấp giấy phép cho một liên doanh sản xuất máy điện thoại di động giữa công ty cổ phần VinaMobi Việt Nam và Zentek Technology Singapore Pte.Limited của Singapore đầu tư 25 triệu USD vào khu công nghiệp Hòa Khánh của Đà Nẵng. Việt Nam như là một giải pháp để phòng rủi ro (backup) cho con đường outsourcing của các nhà chế tạo điện tử Nhật Bản (họ đang thống trị thế giới) vì họ vẫn rất sợ ông "kẻ" Trung Quốc, nhưng không có nghĩa là họ không còn chỗ nào khác trong các nước ASEAN để chuyển nhà máy đến. Theo tìm hiểu của tác giả, các nhà sản xuất máy ảnh của Nhật Bản rất hài lòng với đội ngũ công nhân Việt Nam và đang liên tục để mắt đến chính sách thuế xuất nhập khẩu linh kiện điện tử của nhà nước. Nếu nhà nước có chính sách hợp lý trong tiến trình hội nhập WTO qua chính sách thuế và doanh nghiệp Việt Nam chủ động tìm ra được đối tác Nhật Bản đang có nhu cầu outsourcing thì đây là một cơ hội tốt cho nền công nghiệp điện tử non trẻ của nước nhà ■

(Tiếp theo trang 5)

### Nhận diện và dự báo lạm phát ...

3. Nếu không loại trừ các yếu tố giá cả bị bóp méo, lạm phát cơ bản có khả năng vẫn rất cao do chúng phản ánh những nhân tố dài hạn. Bởi trong trường hợp này, giá cả các hàng hóa "bị kiểm soát" là phản ứng của những chủ trương chung trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, mà trường hợp tăng giá của EVN là một điển hình. Nhưng lạm phát cơ bản tính theo cách này lại không cung cấp những thông tin đáng tin cậy trong việc điều hành chính sách tài chính tiền tệ. Trong trường hợp

như thế, lạm phát cơ bản tăng nhưng do giá cả bị biến dạng, không phải do hậu quả của chính sách tài chính tiền tệ. Chính vì thế, phải chăng đã có những tranh luận phản biện về việc không đồng tình với việc tăng dự trữ bắt buộc mà NHNN đã thực hiện vào ngày 1.7.2004 vừa qua? Nhận định này theo chúng tôi rất có cơ sở thuyết phục.

Những phân tích trên cho thấy con đường tìm ra một phương thức đo lường chỉ số lạm phát hợp lý ở nước ta không phải là chuyện dễ dàng. Về phương diện kỹ thuật, không có vấn đề gì phải tranh luận trong việc tìm ra chỉ số lạm phát cơ bản thay cho, hay bổ sung cho CPI để thấy được những xu hướng giá cả thực sự trong dài hạn của nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong điều kiện VN, vấn đề lại rắc rối ở chỗ phải phát hiện cho được yếu tố nào là yếu tố nội sinh hay ngoại sinh: như giá thuốc, sắt thép, tỷ giá chẳng hạn. Nhưng cực khó ở chỗ là phải nhận diện cái gọi là "Lạm phát cơ bản kiểu VN". Khó ở chỗ giá cả của VN vẫn còn bị sai lệch và biến dạng đáng kể do có sự khống chế thị trường của các DNNQ độc quyền, của bốn đại gia NHTMQD và sự can thiệp của Chính phủ. Như vậy, phải chăng sắp tới NHNN, Bộ tài chính vẫn phải tiếp tục tự mò mẫm một chỉ số lạm phát riêng theo cách của từng bộ ngành để điều hành một cách hợp lý chính sách tài chính tiền tệ? ■